

QUYẾT ĐỊNH

Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã có biển

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2084/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về phê duyệt phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4195/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 thủ tục hành chính (TTHC), bao gồm: 04 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 06 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã có biển. Cụ thể:

Phụ lục I: Danh mục 03 TTHC được sửa đổi, bổ sung và 05 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Phụ lục II: Danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã có biển.

(Đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã có biển có trách nhiệm niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

- Thay thế TTHC số 5, 8, 11 tại mục I Phụ lục I và TTHC số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã.

- Bãi bỏ TTHC số 3,7,12 tại Mục I Phụ lục I và TTHC số 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã.

- Bãi bỏ TTHC số 1,2 Mục I Danh mục TTHC kèm theo Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về Công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND thành phố/Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền giải quyết cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có biển và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Hoàng Hải Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ
HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: 1912/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (1.005400)	12 ngày làm việc (không tính thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa và giải trình, làm rõ hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ- CP ngày	-Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển: Ủy ban nhân dân thành phố. -Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên	- Căn cứ pháp lý. - Thời gian giải quyết.

					18/5/2026 của Chính phủ.	quan. -Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành thành phố, các đơn vị có liên quan.	
2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chum ở biển (1.000969)	13,5 ngày làm việc (không tính thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa, giải trình làm rõ hồ sơ của tổ chức, cá nhân)	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	12,5 triệu đồng	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở NNMT. - Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.	- Căn cứ pháp lý. - Thành phần hồ sơ. - Thời gian giải quyết.

					- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.		
3	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của thành phố (3.000436)	24,5 ngày làm việc	Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính.	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025. - Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số	- Người có thẩm quyền cấp phép: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. - Cơ quan giải quyết hồ sơ: Ủy ban nhân dân thành phố. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Căn cứ pháp lý; - Thời gian giải quyết.

					44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính. - <i>Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị quyết số 66.19/2026/NQ- CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.</i>	- Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan.	
--	--	--	--	--	--	--	--

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân thành phố

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
2	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân thành phố
3	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân thành phố
4	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân thành phố
5	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân thành phố

Phụ lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ
HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ CÓ BIỂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1912/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000442)	11,5 ngày làm việc (không tính thời gian lấy ý kiến, kiểm tra thực địa, giải trình của tổ chức, cá nhân)	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucon g.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ. - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.	- Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã và các đơn vị có liên quan. - Cơ quan phối hợp: Các ngành	- Căn cứ pháp lý. - Thời gian giải quyết.

						và các đơn vị có liên quan.	
--	--	--	--	--	--	-----------------------------	--

*** Ghi chú:**

- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Ủy ban nhân dân cấp xã có biển